

## QUAN HỆ QUỐC TẾ

# HÌNH THẾ CHIẾN LƯỢC TRONG TAM GIÁC HOA KỲ-ẤN ĐỘ-TRUNG QUỐC

Đỗ Trọng Quang

Từ tháng 6/1998 đến tháng 9/2000, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Strobe Talbott và Ngoại trưởng Ấn Độ Jaswant Singh đã qua mười hai vòng đối thoại chiến lược. Cuộc đối thoại không đạt được thỏa thuận về một điểm quan trọng là ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nhưng đã lấp được nhiều khoảng cách giữa hai nước. Kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc, chiến lược an ninh của Mỹ có chiều hướng thay đổi, với xu hướng xích gần Ấn Độ nhằm biến quan hệ giữa hai nước từ chỗ lạnh nhạt trở thành nồng ấm.

### Quan hệ đối tác chiến lược Hoa Kỳ - Ấn Độ

Quan hệ đó nảy sinh từ lúc Tổng thống Bill Clinton thực hiện chuyến công du lịch sử đến Nam Á tháng 3/2000. Ông là vị Tổng thống Mỹ đầu tiên tới thăm Ấn Độ kể từ năm 1978, và trong sáu ngày ở nước này, Clinton đã chinh phục được thiện cảm của đông đảo dân chúng. Chuyến viếng thăm tạo cơ sở cho lợi ích chung của hai nước về cả chính trị lẫn kinh tế, và nhân dịp này, hai bên nhất trí tổ chức những cuộc gặp gỡ cấp cao để tiến hành đối thoại về các lĩnh vực hợp tác. Tháng 9/2000, Thủ tướng Ấn

Độ Atal Behari Vajpayee đến thăm Hoa Kỳ đáp lễ, ông gọi Mỹ là “đồng minh tự nhiên” của nước mình. Chính sách của ông Clinton ngả về Ấn Độ được Tổng thống Bush tiếp tục thực hiện sau đó, dựa trên ba diễn biến quan trọng. Thứ nhất, Ấn Độ nhiệt tình ủng hộ đề nghị của Tổng thống Bush về phòng thủ tên lửa. Thứ hai, Chính phủ Mỹ chuẩn bị bãi bỏ lệnh trừng phạt Ấn Độ vì đã thử vũ khí hạt nhân. Thứ ba, Tướng Henry Shelton, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu Liên quân Mỹ, sang thăm Ấn Độ, đánh dấu sự phục hồi quan hệ hợp tác phòng thủ với nước này. Shelton là quan chức quân sự cao cấp nhất của Mỹ đến Ấn Độ kể từ năm 1998. Ba diễn biến nói trên được Richard Boucher, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ, nói là để biến sự lạnh nhạt giữa hai nước thành mối thông cảm lẫn nhau.

Quan hệ được thắt chặt thêm sau cuộc tấn công ngày 11/9/2001 ở Mỹ, vụ khủng bố đánh dấu bước ngoặt quan trọng của chính sách an ninh Hoa Kỳ cũng như của chủ trương nước đó đối với Nam Á. Ngay sau vụ tấn công nói trên, Ấn Độ lập tức bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn đối với mọi biện pháp mà Hoa Kỳ tiến hành, kể cả cho phép Mỹ sử dụng căn cứ quân sự để chống khủng bố. Ngày 22/9/2001, Tổng

thống Bush đáp lại thiện chí bằng cách bãi bỏ lệnh trừng phạt Ấn Độ theo quy định của Hiệp ước không Phổ biến Vũ khí Hủy diệt hàng loạt (NPT) khi nước đó thử vũ khí hạt nhân tháng 5/1998, chưa kể Mỹ viện trợ cho Ấn Độ. Cuộc gặp thượng đỉnh đầu tiên vào tháng 11/2001 giữa Tổng thống Bush và Thủ tướng Vajpayee tiêu biểu cho quan hệ biến đổi nhanh chóng giữa hai nước, từ đó có bước tiến lớn về hợp tác an ninh, thí dụ như cuộc họp tháng 12/2001 giữa quan chức Ấn Độ và Mỹ ở New Delhi để vạch kế hoạch phòng thủ chung dựa trên đối thoại đều đặn ở cấp cao. Hợp tác được đẩy mạnh trong năm 2002 và 2003, bao gồm tập trận chung, thăm hỏi nhau và trao đổi, cộng tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, ký kết nhiều dự án kinh tế và phát triển xã hội. Ngày 21/9/2004, Tổng thống Bush và Thủ tướng Ấn Độ, lúc này là Mammohan Singh, gặp nhau lần đầu tiên bên lề Đại Hội đồng Liên hợp quốc, bàn về chống khủng bố và không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Cơ sở các hoạt động ngoại giao dồn dập này là kế hoạch hợp tác to lớn về kinh tế và an ninh.

Trong những năm 1990, buôn bán hai chiều tăng trưởng đều đặn, đặc biệt là hàng hóa Ấn Độ xuất khẩu sang Mỹ. Lúc này Hoa Kỳ là đối tác thương mại và đầu tư lớn nhất, với 5 tỷ đôla hàng hóa xuất khẩu sang Ấn Độ và 13 tỷ đôla nhập từ nước này. Hàng Ấn Độ xuất sang Mỹ xấp xỉ 15 tỷ đôla năm 2004. Trong khi đó, đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Ấn Độ trong năm 2003 là 5,5 tỷ đôla, một phần ba là của các công ty Mỹ. Ngay trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Ấn Độ đã là một trong những nước được Mỹ giúp đỡ nhiều nhất mặc dầu quan hệ lạnh nhạt giữa hai bên, sự giúp đỡ

tăng dần cùng với quan hệ biến đổi. Trong một thời gian dài trước khi xảy ra vụ 11/9, Ấn Độ xếp hàng đầu ở Nam Á và là nước đứng thứ hai tại châu Á nhận viện trợ của Mỹ. Chương trình của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) ở Ấn Độ, với ngân sách 89 triệu đô la trong năm tài chính 2004, tập trung vào năm lĩnh vực: y tế, tăng trưởng kinh tế, giải quyết thiên tai, bảo vệ môi trường, và giáo dục. Tính từ năm 1947 đến 2003, Hoa Kỳ cung cấp cho Ấn Độ trên 14 tỷ đô la về các khoản cho vay và tài trợ, và 157 triệu đô la viện trợ quân sự. Năm 2002, Mỹ bán cho Ấn Độ thiết bị quân sự trị giá 138 triệu đô la, và năm 2003: 63 triệu đô la. Quan chức quốc phòng hai nước họp ở New Delhi tháng 6/2004 thảo luận về chủ nghĩa khủng bố và sự phổ biến vũ khí, cùng với kế hoạch tiếp tục tập trận chung và bán vũ khí cho Ấn Độ.

Tháng 6/2003, một cuộc thao diễn chung về chiến đấu trên không được tổ chức, có sự tham gia của máy bay chiến đấu kiểu Su-30MKI do Nga chế tạo. Tiếp theo là cuộc tập trận chung của lực lượng đặc nhiệm gần biên giới Ấn Độ - Trung Quốc tháng 9/2003, cuộc tập trận chung của không quân tháng 2/2004 mang tên "Cope India" ở miền Trung Ấn Độ, cuộc tập trận "Cooperative Cope Thunder" của không quân tại bang Alaska Hoa Kỳ tháng 7/2004, sau đó là vòng thứ sáu cuộc tập trận hải quân chung mang tên "Malabar 2004" tháng 10/2004 ở ngoài khơi bờ biển miền Tây Ấn Độ, có sự tham gia của một tàu ngầm hạt nhân Mỹ. Như thế là từ tháng 9/2001, sự hợp tác an ninh giữa hai nước phát triển mạnh, với nhiều cuộc tập trận chung và số lượng vũ khí bán cho Ấn Độ tăng thêm.

Ấn Độ là nước nhập khẩu vũ khí lớn thứ hai trên thế giới, chi rất nhiều tiền vào phần cứng và phần mềm quân sự, phần lớn mua của Nga. Tuy nhiên những năm gần đây, Ấn Độ quan tâm nhiều đến vũ khí của Israel và Mỹ, đã mua hệ thống ra-đa Green Pine của Israel, và thương lượng mua hệ thống phòng thủ tên lửa Arrow, một sản phẩm chung của Israel và Mỹ. Việc mua bán vũ khí giữa hai nước có ý nghĩa chiến lược và chính trị lâu dài, và theo nhận định của một số nhà chiến lược Ấn Độ và Mỹ, thì tầm quan trọng của mối giao dịch đó có thể sánh với quan hệ Hoa Kỳ - Nhật Bản ở châu Á. Có nguồn tin cho rằng Mỹ định bán cho Ấn Độ máy bay trinh sát P-3C Orion của hải quân có trang bị điện tử hiện đại nhất, và sẽ bán hệ thống phòng thủ tên lửa Patriot. Trước đây, Mỹ đã bán máy bay lên thẳng Sea Hawk, và xem xét bán cho lực lượng đặc nhiệm Ấn Độ thiết bị bảo vệ chống vũ khí sinh học và hóa học.

Chống khủng bố là một lĩnh vực hợp tác an ninh mà hai nước chú trọng ngay trước khi xảy ra vụ tấn công 11/9. Cho tới giữa năm 2005, đã có sáu cuộc họp của đại diện hai bên được tổ chức ở New Dehli và Washington về mục này. Theo đánh giá của báo cáo nhan đề *Các kiểu khủng bố toàn cầu* do Bộ Ngoại giao Mỹ phát hành ngày 29/8/2004, Ấn Độ là nạn nhân của nhiều "vụ khủng bố lớn" hơn nhiều nước khác trong năm 2003. Cựu Đại sứ Mỹ ở Ấn Độ là Robert Blackwill từng nói rằng hai nước cùng "đồng thời phải đương đầu với ba thách thức: thúc đẩy sự ổn định châu Á dựa trên các giá trị dân chủ, hàng ngày đối mặt với nguy cơ khủng bố quốc tế, và tìm hãm sự phát triển hơn nữa vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD)". Trong khi đó, nguyên Ngoại trưởng Colin Powell

nhận xét rằng gốc rễ sự biến đổi quan hệ giữa hai nước là "giá trị và lợi ích chung của chúng ta với tính cách là những xã hội dân chủ..." Năm 2001, Nghị sĩ Mỹ Benjamin Gilman cũng đã nói rằng "quan hệ giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ căn cứ trên nền tảng vững chắc là cùng gắn bó với dân chủ, quyền cá nhân, tự do ngôn luận và thị trường tự do". Tóm lại, không khí chính trị thuận lợi là cơ sở của quan hệ đối tác chiến lược.

Một nhà quan sát quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ nêu rõ là hai nước "có lợi ích sống còn ở châu Á, từ Vịnh Ba Tư tới Đông Á và khắp Ấn Độ Dương". Như vậy, lợi ích chung đã tạo điều kiện hình thành quan hệ đối tác chiến lược. Tuy nhiên, giá trị và lợi ích chung vẫn không loại bỏ được bất đồng, như về "chương trình hạt nhân và tên lửa của Ấn Độ, cũng như tiến độ cải cách kinh tế của nước này"<sup>1</sup>. Các nhà lãnh đạo quân sự hàng đầu của hai nước có nhận thức khác nhau về một số vấn đề then chốt, bao gồm vai trò Ấn Độ ở Vịnh Ba Tư và Đông Á, cách chống khủng bố, và vai trò của Mỹ trong việc giải quyết tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan. Có những vấn đề có thể làm phương hại đến quan hệ đối tác đang phát triển nếu không được xử lý tế nhị, ví dụ quan hệ chặt chẽ giữa Mỹ và Pakistan. Chính phủ Mỹ đã tuyên bố rõ ràng Pakistan là đồng minh chủ yếu của mình ngoài NATO ở Nam Á, đã có kế hoạch bán cho nước đó vũ khí tối tân hơn, kể cả máy bay chiến đấu F-16. Một quan chức Chính phủ Ấn Độ e ngại rằng máy bay F-16 có thể được Pakistan sử dụng để tấn công nước mình hoặc "có thể kích động một cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực". Một vụ rắc rối nữa là ngày 29/9/2004, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tố cáo hai nhà

khoa học hạt nhân Ấn Độ là R.S.R. Prasat và C. Surrender chuyển giao cho Iran thiết bị hoặc công nghệ liên quan đến chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt. Ngoài ra, nhiều vấn đề từ lâu vẫn chưa được giải quyết giữa hai nước, trong đó có việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

### **Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ và Trung Quốc - Hoa Kỳ**

Quan hệ giữa Trung Quốc với hai nước kia trở nên phức tạp do sự hợp tác phòng thủ ngày càng được tăng cường giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ.<sup>2</sup> Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, bang giao giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã trải nhiều thăng trầm, trong khi Mỹ lúc thì kết thân với Trung Quốc, lúc thì ngả sang Ấn Độ để nhằm kiềm chế Liên Xô. Năm 1949, Ấn Độ công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ủng hộ Trung Quốc giành vị trí ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, trong khi Mỹ duy trì quan hệ nhà nước với Đài Loan. Quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc cực kỳ căng thẳng lúc hai nước cùng nêu Năm Nguyên tắc Tôn tại Hoà Bình năm 1954, bày tỏ tình đoàn kết với các nước mới độc lập tại hội nghị Bandung cùng nhiều tổ chức quốc tế khác. Trung Quốc đánh giá cao vai trò hàng đầu của Ấn Độ trong phong trào không liên kết. Sự va chạm lợi ích quốc gia và thế đối địch địa-chiến lược nảy sinh về vấn đề Tây Tạng năm 1959 và cuộc xung đột biên giới năm 1962, dẫn đến quan hệ song phương tích cực kết thúc. Trong bối cảnh đó, Mỹ coi Trung Quốc là kẻ thù chính ở châu Á, và làm ngơ trước quan hệ mật thiết giữa Ấn Độ với Liên Xô, đối thủ toàn cầu của mình...

Trong những năm 1960, lúc bang giao giữa Ấn Độ và Trung Quốc trải

qua thời kỳ khủng hoảng nhất, Hoa Kỳ ủng hộ Ấn Độ chống Trung Quốc, bằng chứng rõ rệt là Tổng thống John F. Kennedy phái tới vịnh Bengal một hàng không mẫu hạm khi xung đột biên giới Trung-Ấn nổ ra năm 1962, kèm theo là một khoản viện trợ quân sự và kinh tế lớn chưa từng có. Tuy vậy, Mỹ không coi Ấn Độ là đối trọng cần thiết và đáng tin cậy với Trung Quốc trong thời gian Chiến tranh lạnh gay gắt nhất, và không lôi kéo được Ấn Độ vào phe chống Trung Quốc vì Mỹ kiên trì giữ mối liên hệ mật thiết với Pakistan. Trong những năm 1970 và đầu những năm 1980, Hoa Kỳ thay đổi lập trường từ chỗ ủng hộ Ấn Độ ngả sang Trung Quốc. Đồng thời, Ấn Độ lắng dần Hoa Kỳ, chuyển sang liên kết chặt chẽ với Liên Xô đối phó với Pakistan. Nhưng nhìn chung, Ấn Độ và Trung Quốc không tham gia liên minh nào chống nhau trong thời gian Chiến tranh lạnh. Cụ thể là không có liên minh Hoa Kỳ - Ấn Độ chống Trung Quốc, cũng như liên minh Hoa Kỳ - Trung Quốc chống Ấn Độ.

Hình thế chiến lược trong tam giác Hoa Kỳ - Ấn Độ - Trung Quốc thay đổi sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Nước Mỹ bây giờ là siêu cường duy nhất trên thế giới, có tầm quan trọng ngày càng lớn đối với quan hệ giữa Trung Quốc (cường quốc đang nổi lên) và Ấn Độ (cường quốc mới xuất hiện). Trong khi quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ cũng như giữa Trung Quốc với Ấn Độ được cải thiện nhiều, thì bang giao Trung-Mỹ trực trặc vì Mỹ coi nước Trung Hoa đang mạnh lên là mối đe dọa đối với bá quyền của mình về kinh tế, chính trị và chiến lược. May thay, không nước nào liên kết với một nước khác để chống quốc gia thứ ba,

mặc dầu Mỹ và Trung Quốc ra tuyên bố chung lên án các cuộc thí nghiệm hạt nhân của Ấn Độ năm 1998. Mỹ không tin vào lập luận của Ấn Độ trong bức thư Thủ tướng Vajpayee gửi Tổng thống Clinton, nói rằng những cuộc thí nghiệm đó là nhằm đáp lại sự đe dọa từ phía Trung Quốc.

Vị trí của Bắc Kinh quan trọng hơn trong tam giác Hoa Kỳ - Ấn Độ - Trung Quốc khi vụ khủng bố 11/9 xảy ra, quan hệ chiến lược Trung-Mỹ được cải thiện nhiều. Hoa Kỳ không còn coi Trung Quốc là nguy cơ chính mà là đối tác quan trọng để đối phó với những thách thức lâu dài toàn cầu như chủ nghĩa khủng bố, sự phổ biến WMD, và những vấn đề trọng yếu của khu vực như sự bế tắc hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Khi mới lên cầm quyền tháng 1/2001, Tổng thống George W. Bush tuyên bố Trung Quốc có thể là một “đối thủ cạnh tranh chiến lược” chứ không phải “đối tác chiến lược”, nhưng chính sách của Mỹ thay đổi sau sự kiện 11/9. Quan hệ giữa Washington và Bắc Kinh được cải thiện nhiều khi Mỹ yêu cầu Trung Quốc chia sẻ thông tin tình báo về các mạng lưới khủng bố và tham gia liên minh quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố. Đáp lại, Bắc Kinh ủng hộ vô điều kiện chiến dịch chống khủng bố của Washington, và sau ngày 11/9, Washington tuyên bố cuộc chiến chống khủng bố là lợi ích mà hai nước cùng chia sẻ. Lâu Năm góc tiếp tục lại những cuộc trao đổi quân sự cấp cao với Trung Quốc, hai nước mở rộng trao đổi tình báo<sup>3</sup>. Trung Quốc cử một nhóm chuyên viên chống khủng bố sang Hoa Kỳ tìm hiểu các cách thức và lĩnh vực hợp tác, cho phép Cục Điều tra Liên bang (FBI) Mỹ đặt một số nhân viên ở Bắc Kinh<sup>4</sup>. Những diễn biến đó dẫn tới việc thiết lập các cơ chế hợp tác để chia sẻ tình báo.

Biểu hiện rõ rệt nhất ở việc Trung Quốc ủng hộ cuộc chiến của Hoa Kỳ chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu là Bắc Kinh làm ngơ trước sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Trung Á. Ngay sau chiến dịch quân sự của Mỹ chống chế độ Taliban tại Afghanistan, Hoa Kỳ xây dựng sân bay và các phương tiện liên lạc ở Kyrgyzstan và Uzbekistan. Trước đây, những việc làm đó thường khiến Bắc Kinh lo ngại, vì đây là dấu hiệu chứng tỏ Mỹ sẽ có mặt quân sự lâu dài tại Trung Á, nhưng bây giờ không thấy có phản ứng nào của Trung Quốc. Sau sự kiện 11/9 ở Hoa Kỳ, nhà cầm quyền Trung Quốc phát động chiến dịch quân sự của mình chống lực lượng nổi dậy ở tỉnh Tân Cương vùng Tây bắc, và cho rằng quân nổi dậy đó là một bộ phận của mạng lưới khủng bố Hồi giáo quốc tế, được huấn luyện ở Pakistan, được cung cấp tiền bạc ở Trung Đông, và học được kinh nghiệm chiến đấu tại Chechnya và Afghanistan<sup>5</sup>. Hoạt động quân sự này không bị Mỹ phản đối, chứng tỏ một năm sau ngày 11/9, hai nước xích gần nhau do nguy cơ của chủ nghĩa khủng bố quốc tế, bạo lực và sự hỗn loạn toàn cầu.

Về phía Ấn Độ, nước này cũng bớt lo ngại Trung Quốc sau khi Bắc Kinh bày tỏ thái độ bất bình trước sự kiện 11/9, chứng tỏ hai quốc gia có mối quan tâm chung đối với nguy cơ khủng bố. Trong tam giác, Ấn Độ tương đối yếu vì phương tiện bị phung phí nhiều trong cuộc đối đầu với Pakistan, nhưng nước này vẫn tìm cách đóng một vai trò nhất định trong và sau Chiến tranh lạnh. Một ví dụ là những năm đầu 1950, Ấn Độ cố gắng làm trung gian giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong thời gian đầu cuộc chiến tranh Triều Tiên, tuy không đạt kết quả. Chính phủ của Tổng thống

Truman tìm cách cô lập Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế, coi Đài Loan là một "hàng không mẫu hạm không thể đánh chìm" để kiềm chế Trung Quốc cho tới những năm 1970. Ngược lại, Ấn Độ tán thành chủ trương một nước Trung Hoa, ủng hộ Bắc Kinh làm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Quan hệ giữa New Dehli và Bắc Kinh đang có chiều hướng tốt đẹp thì xảy ra trường hợp thử nghiệm hạt nhân năm 1998.

Ấn Độ tuyên bố Trung Quốc là mối đe dọa để chứng minh cho chương trình hạt nhân của mình, và tìm cách khai thác sự kinh địch giữa Bắc Kinh và Washington. Chính quyền của Tổng thống Bush vốn đã coi Trung Quốc là "kẻ thách thức" và "mối đe dọa", nay quan hệ Trung-Mỹ càng xấu thêm sau khi máy bay Mỹ thả bom vào Đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade năm 1999, và sau sự va chạm giữa một máy bay trinh sát của hải quân Hoa Kỳ và một máy bay khu trục Trung Quốc năm 2001. Sự căng thẳng đó giữa Washington và Bắc Kinh có lợi cho New Dehli, nhưng cả Ấn Độ và Mỹ đều không muốn công khai liên kết chống Trung Quốc.

Trong những năm 1950 và đầu những năm 1960, Trung Quốc được Liên Xô coi là chủ lực phá thế bao vây của Mỹ ở châu Á. Ngược lại, Trung Quốc được Mỹ xem là nhân tố kiềm chế ảnh hưởng của Liên Xô trong những năm 1970 và đầu những năm 1980. Tuy nhiên, cường quốc Ấn Độ bắt đầu nổi lên sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ đối tác chiến lược Hoa Kỳ - Ấn Độ có ảnh hưởng đến bang giao Trung-Mỹ. Còn đối với quan hệ Trung-Ấn, nước Mỹ là nhân tố tích cực hay tiêu cực thì điều đó phụ thuộc chính sách Hoa Kỳ đối với hai nước kia, và quan hệ song phương

giữa Hoa Kỳ với từng nước. Hơn nữa, Ấn Độ trở thành nhân tố tác động đến quan hệ Trung-Mỹ đến mức nào thì điều này một mặt tùy thuộc khả năng nước đó biến tiềm lực kinh tế thành ảnh hưởng chính trị và chiến lược, mặt khác tùy theo bang giao Trung-Mỹ căng thẳng hay hòa dịu. Bang giao Trung-Mỹ càng hữu nghị, thì vai trò Ấn Độ càng ít hiệu quả.

Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, nhất là sau sự kiện 11/9, quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ biến đổi do nhiều nhân tố: sự sụp đổ của Liên Xô làm cho quan hệ giữa hai nước thuận lợi hơn; tầm quan trọng chiến lược của Ấn Độ dương đòi hỏi Mỹ phải cải thiện quan hệ với Ấn Độ; cuộc cải cách kinh tế và sự tăng trưởng của Ấn Độ từ những năm 1990 khiến nước đó trở thành đối tác thương mại và đầu tư lớn của Hoa Kỳ; cộng đồng người Mỹ gốc Ấn Độ trong xã hội Hoa Kỳ ngày càng có ảnh hưởng lớn; Ấn Độ được xem là một cường quốc đang xuất hiện với tiềm lực kinh tế đáng kể; Ấn Độ được Hoa Kỳ coi là đối trọng tiềm tàng với nước Trung Hoa đang mạnh lên trong tương lai; cuối cùng, cả Trung Quốc và Nga cùng có bất đồng với Hoa Kỳ về các vấn đề chiến lược hệ trọng nên Hoa Kỳ thấy quan hệ được cải thiện với Ấn Độ có thể ngăn cản sự ra đời một tam giác Nga - Trung - Ấn. Hiện giờ, Trung Quốc mong muốn hình thành tam giác chiến lược Washington - New Dehli - Bắc Kinh. Tam giác đó càng có khả năng trở thành hiện thực, khi tiềm năng kinh tế Ấn Độ càng được biến thành ảnh hưởng chính trị và chiến lược. Tam giác đó sẽ là nhân tố lớn của sự ổn định tại Nam Á, là sức mạnh chủ yếu tác động đến tương lai nền kinh tế toàn cầu, cuộc chiến chống khủng bố và WMD, và trật tự thế giới.

mặc dầu Mỹ và Trung Quốc ra tuyên bố chung lên án các cuộc thí nghiệm hạt nhân của Ấn Độ năm 1998. Mỹ không tin vào lập luận của Ấn Độ trong bức thư Thủ tướng Vajpayee gửi Tổng thống Clinton, nói rằng những cuộc thí nghiệm đó là nhằm đáp lại sự đe dọa từ phía Trung Quốc.

Vị trí của Bắc Kinh quan trọng hơn trong tam giác Hoa Kỳ - Ấn Độ - Trung Quốc khi vụ khủng bố 11/9 xảy ra, quan hệ chiến lược Trung-Mỹ được cải thiện nhiều. Hoa Kỳ không còn coi Trung Quốc là nguy cơ chính mà là đối tác quan trọng để đối phó với những thách thức lâu dài toàn cầu như chủ nghĩa khủng bố, sự phổ biến WMD, và những vấn đề trọng yếu của khu vực như sự bết tắc hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Khi mới lên cầm quyền tháng 1/2001, Tổng thống George W. Bush tuyên bố Trung Quốc có thể là một “đối thủ cạnh tranh chiến lược” chứ không phải “đối tác chiến lược”, nhưng chính sách của Mỹ thay đổi sau sự kiện 11/9. Quan hệ giữa Washington và Bắc Kinh được cải thiện nhiều khi Mỹ yêu cầu Trung Quốc chia sẻ thông tin tình báo về các mạng lưới khủng bố và tham gia liên minh quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố. Đáp lại, Bắc Kinh ủng hộ vô điều kiện chiến dịch chống khủng bố của Washington, và sau ngày 11/9, Washington tuyên bố cuộc chiến chống khủng bố là lợi ích mà hai nước cùng chia sẻ. Lâu Năm góc tiếp tục lại những cuộc trao đổi quân sự cấp cao với Trung Quốc, hai nước mở rộng trao đổi tình báo<sup>3</sup>. Trung Quốc cử một nhóm chuyên viên chống khủng bố sang Hoa Kỳ tìm hiểu các cách thức và lĩnh vực hợp tác, cho phép Cục Điều tra Liên bang (FBI) Mỹ đặt một số nhân viên ở Bắc Kinh<sup>4</sup>. Những diễn biến đó dẫn tới việc thiết lập các cơ chế hợp tác để chia sẻ tình báo.

Biểu hiện rõ rệt nhất ở việc Trung Quốc ủng hộ cuộc chiến của Hoa Kỳ chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu là Bắc Kinh làm ngõ trước sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Trung Á. Ngay sau chiến dịch quân sự của Mỹ chống chế độ Taliban tại Afghanistan, Hoa Kỳ xây dựng sân bay và các phương tiện liên lạc ở Kyrgyzstan và Uzbekistan. Trước đây, những việc làm đó thường khiến Bắc Kinh lo ngại, vì đây là dấu hiệu chứng tỏ Mỹ sẽ có mặt quân sự lâu dài tại Trung Á, nhưng bây giờ không thấy có phản ứng nào của Trung Quốc. Sau sự kiện 11/9 ở Hoa Kỳ, nhà cầm quyền Trung Quốc phát động chiến dịch quân sự của mình chống lực lượng nổi dậy ở tỉnh Tân Cương vùng Tây bắc, và cho rằng quân nổi dậy đó là một bộ phận của mạng lưới khủng bố Hồi giáo quốc tế, được huấn luyện ở Pakistan, được cung cấp tiền bạc ở Trung Đông, và học được kinh nghiệm chiến đấu tại Chechnya và Afghanistan<sup>5</sup>. Hoạt động quân sự này không bị Mỹ phản đối, chứng tỏ một năm sau ngày 11/9, hai nước xích gần nhau do nguy cơ của chủ nghĩa khủng bố quốc tế, bạo lực và sự hỗn loạn toàn cầu.

Về phía Ấn Độ, nước này cũng bớt lo ngại Trung Quốc sau khi Bắc Kinh bày tỏ thái độ bất bình trước sự kiện 11/9, chứng tỏ hai quốc gia có mối quan tâm chung đối với nguy cơ khủng bố. Trong tam giác, Ấn Độ tương đối yếu vì phương tiện bị phung phí nhiều trong cuộc đối đầu với Pakistan, nhưng nước này vẫn tìm cách đóng một vai trò nhất định trong và sau Chiến tranh lạnh. Một ví dụ là những năm đầu 1950, Ấn Độ cố gắng làm trung gian giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong thời gian đầu cuộc chiến tranh Triều Tiên, tuy không đạt kết quả. Chính phủ của Tổng thống

Truman tìm cách cô lập Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế, coi Đài Loan là một "hàng không mẫu hạm không thể đánh chìm" để kiềm chế Trung Quốc cho tới những năm 1970. Ngược lại, Ấn Độ tán thành chủ trương một nước Trung Hoa, ủng hộ Bắc Kinh làm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Quan hệ giữa New Dehli và Bắc Kinh đang có chiều hướng tốt đẹp thì xảy ra trường hợp thử nghiệm hạt nhân năm 1998.

Ấn Độ tuyên bố Trung Quốc là mối đe dọa để chứng minh cho chương trình hạt nhân của mình, và tìm cách khai thác sự kình địch giữa Bắc Kinh và Washington. Chính quyền của Tổng thống Bush vốn đã coi Trung Quốc là "kẻ thách thức" và "mối đe dọa", nay quan hệ Trung-Mỹ càng xấu thêm sau khi máy bay Mỹ thả bom vào Đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade năm 1999, và sau sự va chạm giữa một máy bay trinh sát của hải quân Hoa Kỳ và một máy bay khu trục Trung Quốc năm 2001. Sự căng thẳng đó giữa Washington và Bắc Kinh có lợi cho New Dehli, nhưng cả Ấn Độ và Mỹ đều không muốn công khai liên kết chống Trung Quốc.

Trong những năm 1950 và đầu những năm 1960, Trung Quốc được Liên Xô coi là chủ lực phá thế bao vây của Mỹ ở châu Á. Ngược lại, Trung Quốc được Mỹ xem là nhân tố kiềm chế ảnh hưởng của Liên Xô trong những năm 1970 và đầu những năm 1980. Tuy nhiên, cường quốc Ấn Độ bắt đầu nổi lên sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ đối tác chiến lược Hoa Kỳ - Ấn Độ có ảnh hưởng đến bang giao Trung-Mỹ. Còn đối với quan hệ Trung-Ấn, nước Mỹ là nhân tố tích cực hay tiêu cực thì điều đó phụ thuộc chính sách Hoa Kỳ đối với hai nước kia, và quan hệ song phương

giữa Hoa Kỳ với từng nước. Hơn nữa, Ấn Độ trở thành nhân tố tác động đến quan hệ Trung-Mỹ đến mức nào thì điều này một mặt tùy thuộc khả năng nước đó biến tiềm lực kinh tế thành ảnh hưởng chính trị và chiến lược, mặt khác tùy theo bang giao Trung-Mỹ căng thẳng hay hòa dịu. Bang giao Trung-Mỹ càng hữu nghị, thì vai trò Ấn Độ càng ít hiệu quả.

Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, nhất là sau sự kiện 11/9, quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ biến đổi do nhiều nhân tố: sự sụp đổ của Liên Xô làm cho quan hệ giữa hai nước thuận lợi hơn; tầm quan trọng chiến lược của Ấn Độ dương đòi hỏi Mỹ phải cải thiện quan hệ với Ấn Độ; cuộc cải cách kinh tế và sự tăng trưởng của Ấn Độ từ những năm 1990 khiến nước đó trở thành đối tác thương mại và đầu tư lớn của Hoa Kỳ; cộng đồng người Mỹ gốc Ấn Độ trong xã hội Hoa Kỳ ngày càng có ảnh hưởng lớn; Ấn Độ được xem là một cường quốc đang xuất hiện với tiềm lực kinh tế đáng kể; Ấn Độ được Hoa Kỳ coi là đối trọng tiềm tàng với nước Trung Hoa đang mạnh lên trong tương lai; cuối cùng, cả Trung Quốc và Nga cùng có bất đồng với Hoa Kỳ về các vấn đề chiến lược hệ trọng nên Hoa Kỳ thấy quan hệ được cải thiện với Ấn Độ có thể ngăn cản sự ra đời một tam giác Nga - Trung - Ấn. Hiện giờ, Trung Quốc mong muốn hình thành tam giác chiến lược Washington - New Dehli - Bắc Kinh. Tam giác đó càng có khả năng trở thành hiện thực, khi tiềm năng kinh tế Ấn Độ càng được biến thành ảnh hưởng chính trị và chiến lược. Tam giác đó sẽ là nhân tố lớn của sự ổn định tại Nam Á, là sức mạnh chủ yếu tác động đến tương lai nền kinh tế toàn cầu, cuộc chiến chống khủng bố và WMD, và trật tự thế giới.



Hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc có một số nhận thức và lập trường chung đối với Hoa Kỳ. Hai quốc gia có nền kinh tế đang phát triển lớn nhất này cùng phản đối việc đưa tiêu chuẩn lao động và môi trường vào các cuộc thương lượng buôn bán quốc tế. Trái với mục tiêu chiến lược của Mỹ, hai nước có nhận thức giống nhau về dân chủ hóa quan hệ quốc tế, thiết lập một trật tự thế giới đa cực. Với tính cách là hai nền văn minh cổ kính, Trung Quốc và Ấn Độ nhiệt liệt tán thành giải quyết xung đột quốc tế bằng phương tiện chính trị và hòa bình. Là những quốc gia lớn nhất châu Á, hai nước có lợi ích chung trong sự thiết lập một cộng đồng châu Á, không để nước nào ngoài khu vực (chủ yếu là Mỹ) khống chế Nam Á và Đông Á, không hài lòng về liên minh quân sự Hoa Kỳ - Pakistan ở sát nách, cùng phản đối Hoa Kỳ cáo buộc họ vi phạm nhân quyền. Tuy những điểm tương đồng đó không khiến hai nước tạo được mối liên hệ hợp tác mật thiết, nhưng hạn chế được quan hệ đối tác chiến lược Hoa Kỳ - Ấn Độ phát triển xa hơn.

Mặt khác, Trung Quốc và Mỹ cũng có một số nhận thức chung về Ấn Độ, ví dụ như về WMD. Hai nước có thiện cảm với Ấn Độ hơn với Pakistan, cùng cảm thấy có vai trò trong sự ổn định Nam Á, có trách nhiệm giải quyết cuộc tranh chấp Kashmir trong khi Ấn Độ không muốn nước nào ngoài khu vực can thiệp vào công việc nội bộ mình, nhưng những điểm nhất trí này không đủ mạnh để tạo lập quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Bên cạnh những điểm nhất trí đó, Trung Quốc và Hoa Kỳ có những khía cạnh bất đồng về vai trò Ấn Độ ở khu vực châu Á - Thái Bình dương. Từ một quốc gia Nam Á, Ấn Độ vươn lên thành một

cường quốc châu Á với tham vọng lớn khiến Trung Quốc chú ý theo dõi. Ngày 26/10/2004, Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh tuyên bố rằng nước ông, một "siêu cường khu vực", có ảnh hưởng chiến lược bao trùm "một vùng trải rộng từ Sừng châu Phi, Tây Á, Trung Á, Đông Nam Á và hơn nữa tới các miền xa của Ấn Độ dương". Trung Quốc có thể hoan nghênh Ấn Độ giữ một vai trò quan trọng hơn ở châu Á - Thái Bình dương để đối phó với ảnh hưởng và chủ nghĩa đơn phương của Hoa Kỳ và, do đó, tạo điều kiện dễ dàng để hình thành một khu vực châu Á - Thái Bình dương đa cực mà trong đó Trung Quốc là một trong các cường quốc chủ yếu nhưng, mặt khác, một nước Ấn Độ mạnh lên sẽ trở thành đối thủ cạnh tranh với Trung Quốc từ Nam Á, Tây Á, Đông Nam Á và Trung Á tới Ấn Độ dương và Thái Bình dương, nơi ảnh hưởng và lợi ích của hai nước sẽ va chạm nhau.

Đối với Hoa Kỳ, Ấn Độ chẳng phải là một thách thức lớn lắm, ngoại trừ trong những vấn đề như WMD. Dĩ nhiên, giữa Trung Quốc và Mỹ chỉ có bất đồng nhỏ về Ấn Độ, nhưng bất đồng đó có khả năng trở thành sâu sắc nếu Ấn Độ nổi lên trong tương lai thành một đối trọng mà cả Trung Quốc và Mỹ đều muốn tranh thủ làm đồng minh của mình.

Trung Quốc có hai mối quan tâm lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình dương là quan hệ đối tác chiến lược Hoa Kỳ - Ấn Độ ở Nam Á và Ấn Độ dương, và liên minh quân sự Hoa Kỳ - Nhật Bản tại Đông Á và miền tây Thái Bình dương. Quan hệ an ninh ngày càng mật thiết giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ là một đối trọng tiềm tàng với ảnh hưởng ngày một tăng của Trung Quốc trong khu vực. Căn cứ

trên những điểm nhất trí và bất đồng đó, Bắc Kinh có thể đồng thời xem xét lại quan hệ với cả New Dehli và Washington. Nước Mỹ cũng có thể nghiên cứu lại chính sách của mình đối với Ấn Độ về một số vấn đề. Đối với Hoa Kỳ, Trung Quốc quan trọng hơn Ấn Độ về an ninh cũng như về phát triển kinh tế toàn cầu và châu Á - Thái Bình dương, vì thế Bắc Kinh tạo điều kiện để Mỹ phát triển lợi ích kinh tế ở Trung Quốc, đồng thời tăng cường ảnh hưởng kinh tế của mình tại nước Mỹ. Trung Quốc cũng nên tăng cường cộng tác an ninh với Mỹ, vì hai nước đang tiếp tục cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố và WMD.

Về quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc, hai nước có những mối liên hệ lịch sử, địa lý và văn hóa mật thiết hơn với Hoa Kỳ, nên hai nước nên tăng cường liên hệ về kinh tế. Có những lĩnh vực mà hai bên vừa có thể hợp tác và cạnh tranh, thí dụ như công nghiệp phần mềm của Ấn Độ và công nghiệp phần cứng và công nghiệp nhẹ Trung Quốc. Mỗi ngò vực nhau có thể gây trở ngại cho sự hội nhập kinh tế tiểu vùng. Khi Trung Quốc ít hợp tác quân sự hơn với cả Hoa Kỳ và Ấn Độ, thì quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn của nước đó với hai quốc gia kia sẽ đem lại mối lợi cho Bắc Kinh. Ngoài ra, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều sẽ có lợi nếu thông cảm với những nỗi lo lắng của nhau. Đối với Ấn Độ, nỗi lo lắng đó là tình hình vùng Đông Bắc, vấn đề Kashmir, quan hệ quân sự giữa Trung Quốc với Pakistan cùng một số nước Nam Á. Về phía Trung Quốc, mối quan tâm chủ yếu là vấn đề Đài Loan và Tây Tạng, nguy cơ khủng bố ở Đông Turanistan. Ý đồ của Hoa Kỳ muốn lợi dụng sự kinh địch giữa Ấn Độ và Trung Quốc để phục vụ

lợi ích chiến lược của mình sẽ gặp khó khăn nếu hai nước kia hiểu biết và tin cậy nhau trong vấn đề an ninh.

Hai nước nên sử dụng kinh nghiệm lịch sử và văn hóa chung để thực hiện hợp tác kinh tế - chính trị. Về quân sự, hai bên cần phải thúc đẩy hợp tác khu vực và xây dựng lòng tin lẫn nhau dọc biên giới. Về kinh tế, Trung Quốc và Ấn Độ có thể trao đổi kinh nghiệm trong quá trình phát triển. Trung Quốc có thể học tập từ Ấn Độ những bài học về mô hình tăng trưởng hữu cơ, bao gồm một hệ thống ngân hàng mạnh, một hiệu quả cao của vốn, doanh nghiệp tư nhân hoàn chỉnh, và các tổ chức phi chính phủ hoạt động tích cực hơn. Về chính trị, Trung Quốc có thể tăng cường đối thoại về thương mại toàn cầu, môi trường và nhân quyền.

Có thể cho rằng, tam giác Hoa Kỳ - Ấn Độ - Trung Quốc sẽ cân bằng hơn nếu hợp tác được thúc đẩy ở các cấp. Trung Quốc không thể trở thành nạn nhân của quan hệ đối tác chiến lược giữa Mỹ và Ấn Độ khi quan hệ đó có lợi cho ổn định ở Nam Á ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. The China-US-India triangle: Strategic Relations in the post-Cold War Era. *NBA Analysis*, vol. 13.
2. US Security Policy Towards South Asia After September 11 and its Implications for China: A Chinese Perspective, *Strategic Analysis*, vol. 27.
3. *The Times of India*, 27 October 2004.
4. *The Washington Quarterly*, pp. 141-155 (2002).
5. MALIK, MOHAN. US-India-China: A Tangled Triangle. 2003.
6. *International Studies* 42 (2005).

#### Chú thích:

- (1) The White House, The National Security Strategy of the United States of America, September 2002.
- (2) Từ năm 1947, Mỹ cung cấp cho Ấn Độ 157 triệu đôla viện trợ quân sự, hơn 90 phần trăm số đó được trao từ năm 1962 đến 1966.
- (3) *Foreign Affairs* 82, July/August 2003.
- (4) *Contemporary Southeast Asia* 24, August 2002.
- (5) *Foreign Affairs* 81, July/August 2002.